

Khái niệm "trung dung" và "thuận theo tự nhiên" trong văn hóa phương Đông và khả năng tích hợp vào chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam

Ngày nhận bài: 19/05/2026 | Ngày phản biện: 21/05/2026 | Ngày xuất bản: 21/05/2026

Tác giả: Trần Hải Minh (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Nền văn hoá Việt Nam thuộc phạm vi văn hoá phương Đông vì vậy chứa đựng nhiều nét đặc trưng phương Đông trong suốt chiều dài lịch sử cũng như hiện nay. Các giá trị phương Đông đó đã góp phần tạo nên những nét đặc thù trong mô hình phát triển của nước ta. Trong các giá trị đó, "trung dung" và "thuận theo tự nhiên" là những triết lý chủ yếu hợp thành văn hoá ứng xử với xã hội và tự nhiên của người phương Đông nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, hoàn toàn có khả năng tích hợp vào chính sách phát triển bền vững của nước ta trong trung và dài hạn. Bài viết chất lọc những nội dung tinh túy của triết lý "trung dung" và "thuận theo tự nhiên" trong văn hóa phương Đông và khả năng tích hợp của triết lý này trong chính sách phát triển bền vững hiện nay ở Việt Nam.

1. Mở đầu

Nền văn hoá Việt Nam thuộc phạm vi văn hoá phương Đông vì vậy chứa đựng nhiều nét đặc trưng phương Đông trong suốt chiều dài lịch sử cũng như hiện nay. Các giá trị phương Đông đó đã góp phần tạo nên những nét đặc thù trong mô hình phát triển của nước ta. Trong các giá trị đó, "trung dung" và "thuận theo tự nhiên" là những triết lý chủ yếu hợp thành văn hoá ứng xử với xã hội và tự nhiên của người phương Đông nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, hoàn toàn có khả năng tích hợp vào chính sách phát triển bền vững của nước ta trong trung và dài hạn. Bài viết chất lọc những nội dung tinh túy của triết lý "trung dung" và "thuận theo tự nhiên" trong văn hóa phương Đông, từ đó rút ra ý nghĩa đối với vấn đề phát triển bền vững hiện nay ở Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa con người - xã hội - tự nhiên, mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

3. Phương pháp luận

Nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, cùng với các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp thống nhất giữa lịch sử và logic, phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp dự báo. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, thống nhất giữa lịch sử và logic để phân tích nội dung khái niệm trung dung và thuận theo tự nhiên, phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp dự báo để nghiên cứu khả năng “tích hợp” nội dung triết lý trung dung và thuận theo tự nhiên vào đường lối, chính sách phát triển bền vững hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái niệm “Trung dung” và “thuận theo tự nhiên” trong văn hoá phương Đông

Một đặc trưng của văn hoá phương Đông được hình thành trong suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm chính là sự đề cao tinh thần “hài hoà” trong xã hội và tự nhiên. Quan niệm “Thiên - Địa - Nhân” hợp nhất đã không tách rời, đối lập con người và xã hội khỏi tự nhiên. Con người là 1 tiểu vũ trụ trong đại vũ trụ. Hay quan niệm về sự thống nhất về bản chất giữa Tiểu ngã (linh hồn con người) và Đại Ngã (linh hồn vũ trụ) cũng thể hiện sự hài hoà giữa con người và tự nhiên. Tinh thần “hài hoà” đó đã thể hiện cụ thể và sâu sắc trong các triết lý ứng xử của các học thuyết triết học phương Đông, đó chính là khái niệm “trung dung” và “thuận theo tự nhiên”.

4.1.1. Cơ sở sâu xa của triết lý “trung dung” và “thuận theo tự nhiên” chính là ở tồn tại xã hội phương Đông trong những buổi đầu lập nước, với nền văn hóa nông nghiệp đòi hỏi sự gắn bó chặt chẽ giữa con người và tự nhiên.

Triết lý “trung dung” và “thuận theo tự nhiên” phản ánh từ tồn tại xã hội phương Đông thời kỳ đầu lập nước với nền kinh tế - văn hóa nông nghiệp đặc thù của khu vực này. Trong các xã hội cổ đại phương Đông, sản xuất nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo, phụ thuộc lớn vào chu kỳ tự nhiên như mưa, nắng, lũ lụt và sự màu mỡ của đất đai. Điều đó buộc con người phải quan sát, thích nghi và duy trì sự hài hòa với tự nhiên thay vì đối kháng hay cải biến mạnh mẽ môi trường. Từ thực tiễn đó, hình thành nên một hệ giá trị đề cao sự cân bằng, điều hòa - chính là nền tảng của tư tưởng “trung dung”. “Trung dung” không chỉ là thái độ sống ôn hòa, tránh cực đoan, mà còn phản ánh nhu cầu duy trì ổn định trong cộng đồng nông nghiệp. Khi sản xuất phụ thuộc vào sự phối hợp tập thể (như làm thủy lợi, gieo trồng, thu hoạch), việc giữ gìn trật tự xã hội, tránh xung đột và điều hòa lợi ích trở thành điều kiện sống còn. Do đó, con người được khuyến khích hành xử chừng mực, cân bằng giữa cá nhân và cộng đồng, giữa mong muốn chủ quan và điều kiện khách quan (Tu, 2010). Song song với đó, triết lý “thuận theo tự nhiên” (điển hình trong Đạo gia) cũng phản ánh nhận thức sâu sắc về giới hạn của con người trước tự nhiên. Thay vì áp đặt ý chí, con người chọn cách “vô vi”, tức là hành động phù hợp với quy luật tự nhiên để đạt hiệu quả tối ưu. Đây không phải là sự thụ động, mà là một chiến lược thích nghi khôn ngoan, giúp giảm thiểu rủi ro trong môi trường nhiều biến động (Fung, 1952). Như vậy, cả hai triết lý trên phản ánh sâu sắc, bắt rễ từ điều kiện sinh tồn cụ thể của xã hội nông nghiệp phương Đông. Chúng phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa con người và tự nhiên, đồng thời là cơ chế văn hóa giúp duy trì ổn định xã hội trong bối cảnh phụ thuộc cao vào môi trường tự nhiên.

4.1.2. Nội dung cơ bản của triết lý

“Trung dung” là một triết lý nhấn mạnh sự hài hòa, không thái quá, không bất cập trong các mối quan hệ con người - xã hội - tự nhiên. Trong triết lý Nho giáo, “Trung” là ở giữa, không thiên lệch về cực nào, vừa khéo, vừa phải, “dung” là “thường”, bình thường, cần phù hợp với thực tế, dễ thực hiện (Khoa Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2009). “Trung dung” là triết lý luôn giữ ở trạng thái cân bằng, không thiên lệch như lẽ sống thường ngày. Theo đó, “quá nhiều” thì cũng không tốt như “quá ít”. Do đó cần giữ ở mức vừa đủ, chừng mực là trạng thái ổn định của vạn vật. Về mặt thể giới quan, trung được coi là cội lớn của thiên hạ, mọi vật đều từ đó mà sinh thành, tiến hoá (Trần Hồng Lưu, Nguyễn Hữu Anh, 2023). Về nhân sinh quan, “Trung

dung" là đừng thái quá về mình cũng như đừng thái quá về người. "Trung dung" chính là nhấn mạnh trạng thái cân bằng/hài hoà của các mối quan hệ. Trong Phật giáo, trung dung cũng thể hiện một thái độ sống cân bằng, không quá thiên về khắc kỷ cũng như không thiên về hưởng lạc, để đạt được giải thoát. Bởi kinh nghiệm từ chính cuộc đời Đức Phật tổ trong quá trình đi đến Giác ngộ, cả 2 cách tu khắc kỷ hay hưởng lạc đều không đạt được sự giải thoát.

Tóm lại, "trung dung" trong văn hoá phương Đông là khái niệm dùng để chỉ cách ứng xử cân bằng, không thiên lệch, không thái quá, không bất cập, nhằm đạt tới sự hài hoà giữa con người và con người, con người và tự nhiên, con người và chính mình. Trung dung nhấn mạnh sự vừa đủ, đúng mực, giản dị, tự nhiên của con người.

Cùng với "trung dung", "thuận theo tự nhiên" cũng là khái niệm nhấn mạnh xu hướng ứng xử hài hoà của con người trong xã hội và tự nhiên. Trong "trung dung" cũng chứa đựng yếu tố "thuận theo tự nhiên", vì một tính quy luật của tự nhiên là quân bình (Lão Tử). Cơ sở triết học của khái niệm "thuận theo tự nhiên" gắn với học thuyết của Đạo gia là "vô vi" và "đạo". Theo Đạo gia, vũ trụ và con người vận hành theo quy luật do đó cách ứng xử tốt nhất của con người là "vô vi", nghĩa là "làm theo quy luật, nương theo quy luật", khi đó vật tự hoá mà con người dường như không cần tác động gì vào sự vật (hữu vi). Giống như gieo 1 hạt giống xuống đất, nếu để hạt giống ở nơi có đủ đất nước, ánh sáng hạt giống sẽ tự nảy mầm và trở thành cây to mà không cần phải mất công chăm bón (hữu vi). Cho nên "vô vi nhi vô bất vi" (không làm gì mà không gì không làm). Điều này được thể hiện rõ hơn trong Nam Hoa kinh của Trang Tử, khi ông viết: Bậc minh quân trị thiên hạ thì công bao trùm thiên hạ mà dường như không phải công của mình, công đức ấy có đấy mà không ai chỉ ra được, vạn vật đều thoả mãn (Trang Tử, 2001).

Nếu như trong "trung dung" cũng có chứa đựng yếu tố "thuận theo tự nhiên" thì trong "vô vi", "thuận theo tự nhiên" cũng có chứa đựng cách ứng xử "trung dung" với vạn vật (Ngô Quang Tuệ, 2016). Theo Trang Tử, "không có cái tiêu chuẩn nào làm mẫu cho muôn loài, vì mỗi loài đều có bản tính riêng của nó, đều vận động theo những quy luật khác nhau.(...) Mỗi vật mà được sống hoàn toàn theo cái sống của mình, thực hiện được triệt để cái bản tính của mình thì sẽ đạt được tự do và bình đẳng tuyệt đối." (Ngô Quang Tuệ, 2016). Như thế là thuận theo tự nhiên, phù hợp với lẽ sống của con người

và vạn vật. Như vậy, “trung dung” ở đây là tôn trọng cái tính tự nhiên của vạn vật mà không đem cái tiêu chuẩn chủ quan nào làm mẫu mực cho muôn loài. Ví dụ như cá mập được xem là loài hung ác đối với con người, nhưng cá mập tồn tại ở mức độ hợp lý sẽ cân bằng hệ sinh thái của đại dương, góp phần bảo vệ các rặng san hô và hệ thống vi sinh vật trong đại dương. Bản thân cá mập hiện nay cũng đang bị tiêu diệt quá mức bởi chính con người chỉ để lấy vây, đây cũng là ví dụ cho thấy con người đang là tác nhân quan trọng gây nên sự mất cân bằng trong tự nhiên, nói theo triết lý phương Đông là đang vi phạm nguyên tắc “trung dung”, “thuận theo tự nhiên”.

Như vậy, “thuận theo tự nhiên” là triết lý nhấn mạnh sự tôn trọng, nương theo, tuân theo quy luật của tự nhiên chứ không theo ý muốn của riêng mình, nhờ đó mà hoà đồng với vũ trụ, với vạn vật, hoà hợp với cái đạo tự nhiên của vạn vật. Hiện nay triết lý này đã được ứng dụng trong một số lĩnh vực như nông nghiệp hữu cơ (canh tác không sử dụng hoá chất độc hại mà sử dụng “thiên địch”, phân bón gốc hữu cơ,...) và được ca ngợi là có khả năng đem đến mục tiêu vừa an toàn, tốt cho sức khoẻ con người vừa bảo vệ môi trường sinh thái. Đây là một minh chứng cụ thể nhất cho thấy khả năng tích hợp triết lý phương Đông này vào chính sách phát triển bền vững trong các xã hội hiện đại.

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy, khái niệm “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” là triết lý ứng xử trong văn hoá phương Đông nhấn mạnh sự cân bằng, không thiên lệch, không thái quá, không bất cập, nhằm đạt tới sự hài hoà giữa con người và con người, con người và tự nhiên, con người và chính mình, đồng thời nhấn mạnh sự tôn trọng, nương theo, tuân theo quy luật của tự nhiên chứ không theo ý muốn của riêng mình, nhờ đó mà hoà đồng với vũ trụ, với vạn vật, hoà hợp với cái đạo tự nhiên của vạn vật.

Triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” như vậy chứa đựng những giá trị sâu sắc, có rất nhiều ý nghĩa trong việc định hình lối sống, văn hoá ứng xử tốt đẹp của con người phương Đông trong truyền thống cũng như hiện nay.

4.2. Tích hợp triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” vào chính sách phát triển bền vững – Khả năng và một số đề xuất, khuyến nghị

4.2.1. Quan niệm về tích hợp khái niệm/triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” vào chính sách phát triển bền vững

“Phát triển bền vững” là một khái niệm đã được sử dụng rộng rãi trong khoa học cũng như trong đường lối, chính sách phát triển xã hội ở nước ta từ những năm cuối thế kỷ XX – đầu thế kỷ XXI. Một cách chung nhất phát triển bền vững là khái niệm dùng để chỉ sự phát triển xã hội một cách toàn diện cả trên 3 khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường, là sự phát triển mà các thế hệ hiện tại không làm mất đi cơ hội cho các thế hệ tiếp sau, là sự phát triển ổn định, lâu dài của xã hội trong dài hạn. Hiện nay, theo một số nghiên cứu phát triển bền vững còn bao hàm thêm cả nội dung phát triển bao trùm, nghĩa là mọi người dân đều được hưởng một cách công bằng thành quả của sự phát triển xã hội, sự phát triển xã hội mang lại cơ hội phát triển cho tất cả các thành viên, không có ai bị “gạt ra bên lề” hay “bỏ lại phía sau”. Do đó, các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách thường sử dụng khái niệm “phát triển bền vững, bao trùm” với hàm ý trên.

“Tích hợp” là khái niệm dùng để chỉ sự kết hợp các yếu tố “bên ngoài” vào thành yếu tố cấu thành nội tại của sự vật, hiện tượng, quá trình, trong đó không chỉ là sự ghép vào mà các yếu tố được tích hợp đã trở thành một phần hữu cơ của chỉnh thể, thâm nhập vào sự vật mới.

Rõ ràng với những nội dung thể hiện mối quan hệ hài hoà, đề cao sự tôn trọng, bảo vệ tự nhiên, hoà đồng với tự nhiên của triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” trong văn hoá phương Đông, việc tích hợp các khái niệm này vào trong chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay là hoàn toàn có tính khả thi và góp phần tăng cường phát huy các giá trị truyền thống trong thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội hiện đại.

Một cách khái quát, có thể hiểu, “tích hợp khái niệm “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” vào chính sách phát triển bền vững” là hoạt động của các chủ thể hoạch định chính sách đưa những nội dung cốt lõi, tinh thần của khái niệm “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” trở thành nội dung cấu thành trong của chính sách phát triển bền vững, thể hiện trong nội dung chính sách, trong tổ chức thực hiện chính sách, trong tuyên truyền, vận động chính sách cũng như trong các yếu tố hợp thành chu trình chính

sách nhằm nâng cao hiệu quả chính sách, chuyển chính sách từ các hoạt động của các chủ thể quản lý có tính bắt buộc, cưỡng chế thành phương thức ứng xử, văn hoá ứng xử định hướng phát triển bền vững của toàn thể các thành viên xã hội (nhân dân và cán bộ, đảng viên).

4.2.2. Sự “biểu hiện”, phù hợp của triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” trong chính sách phát triển bền vững

Qua khảo sát nội dung chính sách phát triển bền vững ở nước ta hiện nay, chúng ta có thể thấy sự “biểu hiện”, hay sự phù hợp/tương đồng của triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” trong các chính sách phát triển bền vững nói chung cũng như trong chính sách phát triển bền vững trên các lĩnh vực cụ thể.

Sự thể hiện triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” trong chính sách phát triển bền vững thể hiện trước hết ở sự phù hợp của triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” với lý thuyết về phát triển bền vững, cơ sở lý luận để xây dựng và ban hành chính sách phát triển bền vững. Theo lý thuyết phát triển bền vững, phát triển bền vững là sự phát triển toàn diện, hài hoà của các mặt kinh tế, xã hội, môi trường, đó chính là sự kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, trong đó tăng trưởng kinh tế không gây ra sự gia tăng bất công, bất bình đẳng xã hội cũng như không ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái. Như vậy đó chính là sự thể hiện tinh thần “trung dung”, không thái quá, không bất cập. Phát triển bền vững cũng bao hàm sự phát triển vừa đảm bảo cung cấp cho các thế hệ hiện tại, vừa không đánh mất cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai. Đó chính là tinh thần “trung dung”, phát triển “vừa đủ, đúng mực”, không khai thác kiệt quệ tự nhiên để dành cho các thế hệ tương lai. Đặc biệt lý thuyết phát triển bền vững nhấn mạnh sự hài hoà giữa con người với xã hội và tự nhiên, điều đó cũng phù hợp với tinh thần triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” trong văn hoá phương Đông.

Triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” cũng thể hiện sự phù hợp, có thể tích hợp trong các chính sách phát triển bền vững trên các lĩnh vực cụ thể:

Đối với chính sách phát triển bền vững về kinh tế, có thể việc phát triển kinh tế thân thiện với môi trường chính là “thuận theo tự nhiên”. Cụ thể như phát triển nông nghiệp hữu cơ, phát triển các ngành giảm phát thải gây ô nhiễm môi trường. Phát triển kinh tế

xanh, kinh tế tuần hoàn, tuân theo các quy luật tự nhiên, chính là “thuận theo tự nhiên”. Phát triển kinh tế “thích ứng với biến đổi khí hậu” chính là “thuận theo tự nhiên”. Hạn chế sự tác động, khai thác, can thiệp quá mức vào môi trường tự nhiên chính là “trung dung”, “thuận theo tự nhiên”. Khai thác với số lượng và quy mô vừa phải đi đôi với phục hồi môi trường, tái tạo tài nguyên tự nhiên chính là “trung dung”, “thuận theo tự nhiên”.

Đối với chính sách phát triển bền vững về xã hội, thực hiện tốt chính sách công bằng xã hội chính là thực hiện tinh thần “trung dung”, hài hoà giữa cống hiến và hưởng thụ, quyền lợi và nghĩa vụ.

Đối với chính sách phát triển bền vững về môi trường, tinh thần bảo vệ môi trường, hạn chế can thiệp, tác động quá mức lên môi trường, thể hiện tinh thần “trung dung”, “thuận theo tự nhiên”. Ví dụ như việc khuyến khích khai thác đi đôi với tái tạo, phục hồi môi trường, để thời gian “nghỉ” để môi trường phục hồi. Hay các phong trào “thuận theo tự nhiên” trong các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn cũng thể hiện tinh thần đó.

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, phong trào “thuận theo tự nhiên” trong nông nghiệp Việt Nam được thể hiện rõ qua các mô hình nông nghiệp hữu cơ và kinh tế tuần hoàn, nhấn mạnh việc tôn trọng quy luật sinh thái, giảm can thiệp hóa học và tái sử dụng tài nguyên. Trước hết, mô hình tổ hợp 4F (Farm - Food - Feed - Fertilizer) của Tập đoàn Quế Lâm tại Thừa Thiên Huế là ví dụ tiêu biểu. Mô hình này vận hành theo chu trình khép kín: chất thải chăn nuôi được xử lý thành phân hữu cơ và thức ăn chăn nuôi, quay trở lại phục vụ sản xuất. Điều này không chỉ giảm ô nhiễm mà còn tạo hệ sinh thái sản xuất cân bằng, “thuận theo tự nhiên” khi tận dụng dòng vật chất tuần hoàn thay vì phụ thuộc đầu vào hóa học (Bộ NN&PTNT đánh giá cao về tính bền vững và khả năng nhân rộng) (Trần Hòe, 2022). Thứ hai, mô hình VAC cải tiến (vườn - ao - chuồng - biogas) và các biến thể như VAC kết hợp nuôi trùn quế hoặc ấu trùng ruồi lính đen đang phát triển mạnh. Các mô hình này sử dụng chất thải hữu cơ làm đầu vào cho chu trình khác (phân → thức ăn → phân bón), tạo vòng tuần hoàn sinh học gần với tự nhiên, đồng thời giảm phát thải và chi phí sản xuất. (Nguyễn Nguyên Cự, Nguyễn Thị Phương Mai, 2024). Đây là biểu hiện rõ nét của triết lý “không có chất thải, chỉ có tài nguyên”. Thứ ba, mô hình “nông nghiệp tuần hoàn đa giá trị” như tại Hậu Giang

(nấm - bò - vịt - lúa - điện) cho thấy cách tích hợp nhiều hệ sinh thái trong cùng không gian sản xuất. Phụ phẩm từ hệ này trở thành đầu vào của hệ khác, giúp tối ưu dòng năng lượng và vật chất, thích ứng với điều kiện đất phèn và biến đổi khí hậu (Vietnam Circular Economy, 2023). Ví dụ thứ tư, các mô hình “nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái”, như mô hình “3 trong 1” (lúa - thủy sản - du lịch) ở Thái Nguyên, cũng phản ánh tư duy thuận tự nhiên. Việc hạn chế hóa chất, bảo tồn hệ sinh thái đồng ruộng và đa dạng hóa giá trị sử dụng đất giúp tăng tính bền vững kinh tế - sinh thái (Diệu Linh, 2023). Nhìn chung, các mô hình này đều hướng tới nguyên tắc: (i) tái sử dụng tài nguyên, (ii) giảm can thiệp nhân tạo, (iii) hài hòa với hệ sinh thái. Sự gia tăng nhanh số lượng mô hình (hàng chục mô hình mới mỗi năm) cho thấy đây không chỉ là xu hướng kỹ thuật mà đã trở thành một phong trào phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam (Trường Vi, 2024).

Như vậy, triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” trong văn hoá phương Đông đã và đang hiện diện trực tiếp hoặc gián tiếp trong chính sách phát triển bền vững, thể hiện sự phù hợp, sự ảnh hưởng của những đặc trưng của văn hoá phương Đông trong văn hoá, chính trị hiện đại ở các quốc gia phương Đông, trong đó có Việt Nam. Do đó, có thể và cần tích hợp chủ động các yếu tố này vào trong chính sách phát triển bền vững để phát huy vai trò của các giá trị văn hoá truyền thống góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách phát triển bền vững ở nước ta.

4.2.3. Một số khuyến nghị để thực hiện tích hợp khái niệm/triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” của văn hoá phương Đông vào chính sách phát triển bền vững ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, để thực hiện tích hợp khái niệm “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” vào cơ sở lý luận để xây dựng chính sách phát triển bền vững. Theo đó, cần nghiên cứu các triết lý phương Đông về “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” cùng với những lý thuyết phát triển bền vững hiện đại để chốt lọc những nội dung phù hợp làm cơ sở lý luận cho xây dựng chính sách phát triển bền vững.

Thứ hai, để thực hiện tích hợp khái niệm “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” vào chính sách phát triển bền vững, có thể đưa những nội hàm của khái niệm “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” vào các quan điểm định hướng chính sách. Vì các quan

điểm chính là định hướng chung cho các hoạt động, giải pháp cụ thể của chính sách nên việc đưa nội hàm khái niệm trên vào phần "quan điểm" sẽ làm cho khái niệm trở thành yếu tố nội tại cấu thành nội dung chính sách, tức là đã được tích hợp vào chính sách. Muốn vậy, có thể tăng cường nghiên cứu và tổ chức truyền thông, tích hợp các nội dung về triết lý phương Đông trong nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý như chương trình cao cấp, trung cấp lý luận chính trị hoặc chương trình bồi dưỡng chức danh quản lý, bồi dưỡng công chức, viên chức, như trong các chuyên đề về triết học và văn hóa phương Đông, trong chuyên đề về triết lý phát triển, v.v. Một phương thức khác là trong quá trình xây dựng chính sách cần tham vấn đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu về triết học và văn hóa phương Đông ở những nội dung này.

Thứ ba, có thể tích hợp những nội dung này vào trong các giải pháp thực hiện chính sách phát triển bền vững thể hiện trong giải pháp về nhận thức, tuyên truyền, giáo dục. Cụ thể: tăng cường giáo dục các triết lý "trung dung", "thuận theo tự nhiên" trong văn hoá phương Đông trong các cấp, bậc học, tùy theo trình độ của người học để có nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp. Trong truyền thông chính sách phát triển bền vững, chúng ta có thể tích hợp các nội dung này trong nội dung truyền thông về phát triển bền vững trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Một giải pháp nữa là tăng cường xây dựng văn hoá sinh thái, nhấn mạnh các giá trị của văn hoá sinh thái phương Đông là lối ứng xử "trung dung", "thuận theo tự nhiên". Từ đó tạo thành ý thức kết hợp bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo nên sự phát triển toàn diện cả kinh tế, xã hội và môi trường.

Thứ tư, bổ sung thêm khía cạnh văn hoá, giải pháp về văn hoá trong chính sách phát triển bền vững, theo đó, tăng cường giáo dục, phát huy các giá trị văn hoá sinh thái, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, trong đó có triết lý "trung dung", "thuận theo tự nhiên" của văn hoá phương Đông nhằm tăng cường tính "bền vững" cho quá trình phát triển. Khi sự các nguyên tắc phát triển bền vững trở thành giá trị văn hoá, thành phương thức ứng xử cơ bản của con người trong xã hội, lúc đó sự phát triển bền vững sẽ được duy trì ổn định và lâu dài trong xã hội qua các thế hệ.

Thứ năm, tăng cường nghiên cứu về tích hợp các giá trị, triết lý trong văn hoá phương Đông nói chung cũng như triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” nói riêng vào chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay. Bổ sung, tham vấn ý kiến trực tiếp của các chuyên gia về văn hoá, triết học phương Đông và Việt Nam trong quá trình thảo luận, xây dựng các chính sách phát triển bền vững nhằm tích hợp các giá trị, triết lý trong văn hoá phương Đông nói chung cũng như triết lý “trung dung”, “thuận theo tự nhiên” nói riêng vào chính sách phát triển bền vững.

5. Kết luận

Trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay, việc phát huy các giá trị đặc trưng phương Đông/Việt Nam sẽ góp phần tăng cường động lực, thúc đẩy việc hiện thực hoá mô hình CNXH Việt Nam vừa chứa đựng những giá trị chung của nhân loại vừa kết tinh những giá trị đặc trưng của phương Đông cũng như Việt Nam. Đây cũng chính là một giải pháp nhằm phát triển sáng tạo lý luận về đường lối đổi mới, xây dựng CNXH ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Diệu Linh. (2023). Chàng trai bỏ phố về quê hồi sinh đất hoang, làm du lịch nông nghiệp hữu cơ, Báo Điện tử VOV2, Đài Tiếng nói Việt Nam. (Truy cập từ <https://vov2.vov.vn/doi-song-xa-hoi/chang-trai-bo-pho-ve-que-hoi-sinh-dat-hoang-lam-du-lich-nong-nghiep-huu-co-56809>).
2. Fung, Y.-L. (1952). A history of Chinese philosophy, Princeton University Press.
3. Giản Chi - Nguyễn Hiến Lê. (2004). Đại cương triết học Trung Quốc, 2 tập. Nhà xuất bản Thanh niên.
4. Học viện Báo chí và Tuyên truyền. (2009). Khoa Triết học: Lịch sử triết học Trung Quốc cổ - trung đại. Nhà xuất bản LLCT-HC, H. Tr.65.
5. Nguyễn Hùng Hậu, Triết lý trong văn hoá phương Đông, NXb Đại học Sư phạm, H. 2004.
6. Nguyễn Nguyên Cự, Nguyễn Thị Phương Mai (2024), Phát triển mô hình VAC cải tiến gắn với kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp Việt Nam, Tạp chí Môi trường, số chuyên đề 2, 2024. (Truy cập từ <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/bitstream/DLU123456789/274507/1/101065-3313-210361-1-2-20240816.pdf>. Tr. 390-391).
7. Ngô Quang Tuệ. (2016). Triết lý nhân sinh của Trang Tử trong Nam hoa kinh, Nhà xuất bản CTQG, H. Tr.91.

8. Sachs, J. (2015). The age of sustainable development, Columbia University Press.
9. Trần Hồng Lưu, Nguyễn Hữu Anh. (2023). "Trung dung - Một cách thức hoàn thiện đạo đức theo tư tưởng Khổng Tử", Tạp chí KHXX, số 3/2023.
10. Trần Hòe. (2022). Bộ trưởng Lê Minh Hoan đánh giá cao mô hình nông nghiệp tuần hoàn lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam. Báo Điện tử Dân Việt. (Truy cập từ <https://danviet.vn/bo-truong-le-minh-hoan-danh-gia-cao-mo-hinh-nong-nghiep-tuan-hoan-lan-dau-tien-xuat-hien-tai-viet-nam-20220212101241956-d1001308.html>)
11. Trang Tử. (2001). Nam hoa kinh, Nhà xuất bản Văn học, H.
12. [The Confucian doctrine of the Mean, the optimality principle, and social harmony](https://akjournals.com/view/journals/204/42/1/article-p59.xml) (<https://akjournals.com/view/journals/204/42/1/article-p59.xml>)
13. Tu, W.-M. (2010), Centrality and commonality: An essay on Confucian religiousness, SUNY Press.
14. Tường Vi (2024), Thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn nông nghiệp hữu cơ bền vững, Thông tấn xã Việt Nam (Bnews). (Truy cập từ <https://bnews.vn/thuc-day-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-nong-nghiep-huu-co-ben-vung/321577.html>). Tr.1.
15. United Nations (2015), Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development.
16. United Nations Development Programme (UNDP) (2020), Human Development Report.
17. Vietnam Circular Economy (2023), Mô hình nông nghiệp tuần hoàn đa giá trị tại Hậu Giang. Truy cập từ <https://vietnamcirculareconomy.vn/showcase/6910/> (tr.1).